TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HS-ST
Ngày: 14-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nghĩa và bà Trần Thị Ngọc Điểm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Loan – Kiểm sát viên.

Vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 8 năm 2018; tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2018/HSST ngày 09 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Đặng D, sinh ngày 28/8/1988 tại tỉnh Phú Yên; Tên gọi khác: C; Nơi cư trú: tổ B, khu phố N, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Đ, sinh năm 1950 và bà Phan Thị Đ, sinh năm 1953; Vợ Nguyễn Thị Hàng N, sinh năm 1995 (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2014; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 05/7/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành hình phạt tù ngày 27/3/2013, đóng án phí ngày 23/9/2015; Ngày 15/3/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm xử phạt 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" xảy ra ngày 31/3/2015, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/8/2016; Nhân thân: Năm 2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 06 năm 06 tháng tù giam về tội Hiếp dâm trẻ em và Cướp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 21/02/2009.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/4/2018. Có mặt.

- Bị hại:

1/ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2/ Bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3/ Bà Lê Như N, sinh năm 1984; Địa chỉ: tổ H, khu phố P2, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1953; Địa chỉ: tổ B, khu phố N, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người làm chứng:

1/ Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1995; Địa chỉ: thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2/ Chị Nguyễn Thị Hàng N, sinh năm 1995; Địa chỉ: 65 L, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2017 đến tháng 3/2018, Đặng D đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố T, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ 10 phút ngày 07/6/2017, Đặng D điều khiển xe mô tô hiệu Exciter (xe mượn của người khác) đi trên đường N, thuộc phường P, thành phố T để tìm ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. D thấy chị Nguyễn Thị D điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH đến dựng trên vỉa hè rồi vào cửa hàng vật liệu xây dựng M, địa chỉ 231 N, phường P, thành phố T. D dựng xe quan sát thấy không có ai để ý nên dùng tay kéo yên xe lên và lấy trộm một túi xách da trong cốp xe rồi bỏ đi. Sau đó, D kiểm tra bên trong túi xách có 01 sợi dây chuyền vàng 610, trọng lượng 2,2 chỉ; 01 lắc đeo tay bằng vàng 610, trọng lượng 1,8 chỉ, 17.000.000 đồng và một số giấy tờ khác. D lấy tiền, vàng cất giấu còn túi xách và giấy tờ thì vứt bỏ.

Theo kết luận định giá tài sản ngày 31/8/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Tuy Hòa kết luận: 01 túi xách da, 01 sợi dây chuyền vàng 610, trọng lượng 2,2 chỉ và 01 lắc tay vàng 610, trọng lượng 1,8 chỉ trị giá 8.370.000 đồng. Tổng giá trị tài sản D trộm cắp của chị D là 25.370.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 12h ngày 02/3/2018, Đặng D điều khiển xe mô tô hiệu Sirius (xe mượn của người khác) đến nhà thuốc N, địa chỉ 289 L, phường N, thành phố T. Lúc này, D nhìn thấy chị Hồ Thị Thanh T đi xe mô tô hiệu Shark cũng bước vào mua thuốc. D nhìn thấy chị T mở cốp xe lấy tiền bên trong

túi xách rồi vào tiệm nhưng không rút chìa khóa xe, túi xách vẫn để trong cốp xe nên D lại gần mở cốp xe và lấy túi xách bỏ đi. Sau đó, D kiểm tra túi xách và lấy số tiền 10.000.000 đồng, riêng túi xách và giấy tờ bên trong D vứt đi.

Vụ thứ ba: Khoảng 07 giờ 10 phút ngày 14/3/2018, Đặng D điều khiển xe mô tô hiệu Sirius (xe mượn của người khác) đi trên đoạn đường N. Khi đến ngã ba NTT – NHT, D nhìn thấy chị Lê Như N đi xe mô tô hiệu Honda SH đến dựng xe ở đường hẻm cạnh tiệm photo P, địa chỉ khu phố P2, phường C, thành phố T. D điều khiển xe dừng dưới lòng đường rồi dùng tay cạy cốp xe của chị N lấy 01 túi xách rồi ra xe bỏ đi. Sau đó, D đã kiểm tra thì thấy có 01 điện thoại hiệu Samsung J7; 01 sợi dây chuyền bằng bạch kim; 01 mặt dây chuyền bằng bạch kim; 01 đồng hồ hiệu surie; 500.000 đồng; 02 cây son môi hiệu Revlon; 01 tuýp kem chống nắng cùng một số giấy tờ tùy thân khác. D lấy điện thoại, đồng hồ, dây chuyền và 500.000 đồng cất giấu, riêng mỹ phẩm và giấy tờ cùng túi xách thì D đem vứt xuống phía nam cầu Hùng Vương. Sau khi bị phát hiện, Đặng D đã giao nộp 01 điện thoại hiệu Samsung J7; 01 sợi dây chuyền bằng bạch kim; 01 mặt dây chuyền bằng bạch kim; 01 đồng hồ hiệu surie.

Theo kết luận định giá tài sản ngày 13/4/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Tuy Hòa kết luận: Tổng tài sản D lấy trộm trị giá là 8.395.000 đồng, riêng tuýp kem chống nắng hiệu Sum không định giá được. Tổng giá trị tài sản D trộm cắp của chị N là 8.895.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Tạm giữ và đã trả lại cho chủ sở hữu 01 điện thoại hiệu Samsung J7; 01 sợi dây chuyền bằng bạch kim; 01 mặt dây chuyền bằng bạch kim; 01 đồng hồ hiệu surie.

Tài sản tạm giữ, chờ xử lý: Số tiền 10.000.000 đồng do mẹ bị cáo Đặng D nộp tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuy Hòa để bồi thường cho các bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Như N đã nhận lại tài sản bị mất trộm gồm 01 điện thoại di động; 01 sợi dây chuyền cùng mặt dây chuyền; 01 đồng hồ đeo tay và yêu cầu bồi thường các tài sản chưa thu hồi được; Bị hại Nguyễn Thị D yêu cầu trả lại tài sản và số tiền 22.000.000 đồng; Bị hại Hồ Thị Thanh T yêu cầu trả lại số tiền 10.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 44/CT-VKS-HS ngày 06/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

* Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt. Về dân sự: bị cáo thống nhất dùng số tiền 10.000.000 đồng đã giao nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuy Hòa để bồi thường một phần thiệt hại cho bà Nguyễn Thị D.

- Bị hại bà Lê Như N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu bồi thường giá trị các tài sản chưa thu hồi theo giá Hội đồng định giá đã xác

định. Bị bại bà Hồ Thị Thanh T đã nhận lại số tiền 10.000.000 đồng nên không yêu cầu gì thêm, về hình phạt: xin giảm nhẹ cho bị cáo. Bị hại bà Nguyễn Thị D yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị mất và số tiền 17.000.000 đồng, tổng cộng là 25.370.000 đồng, về hình phạt: đề nghị xét xử bị cáo theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phan Thị Đ tự nguyện dùng số tiền 10.000.000 đồng đã giao cho bà Hồ Thị Thanh T đề bồi thường thay cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa luận tội giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng D phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/4/2018; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà N 1.350.000 đồng và bồi thường cho bà D 25.370.000 đồng. Tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuy Hòa để đảm bảo thi hành án.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái và hứa sẽ khắc phục bồi thường tiếp cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuy Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2017 đến tháng 3/2018, bị cáo Đặng D đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Tuy Hòa của những người bị hại Nguyễn Thị D, Hồ Thị Thanh T, Lê Như N với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 44.265.000 đồng; nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự

năm 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có nhân thân xấu, có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội; trong thời gian ngắn đã thực hiện 03 hành vi phạm tội trên địa bàn thành phố Tuy Hòa. Đây là những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" và "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại; sau khi bị phát hiện về hành vi phạm tội, bị cáo biết không thể trốn tránh nên đến cơ quan có thẩm quyền để trình diện, đầu thú và khai ra hành vi phạm tội của mình; được bị hại bà Hồ Thị Thanh T xin giảm nhẹ hình phạt, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm học tập cải tạo tốt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Hồ Thị Thanh T đã nhận lại số tiền 10.000.000 đồng từ bà Phan Thị Đ. Bà Đ tự nguyện dùng số tiền này để bồi thường thay cho bị cáo. Bà T và bà Đ không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

Đối với những tài sản bị chiếm đoạt nhưng không thu hồi được, bị hại bà Lê Như N, bà Nguyễn Thị D yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm theo giá trị tài sản đã định giá là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà N số tiền 1.350.000 đồng (là giá trị 02 cây son hiệu Revlon, 01 túi xách da, 01 tuýp kem chống nắng và 500.000 đồng); bồi thường cho bà D số tiền 8.370.000 đồng (giá trị 01 túi xách da, 01 sợi dây chuyền vàng 610, trọng lượng 2,2 chỉ và 01 lắc tay vàng 610, trọng lượng 1,8 chỉ).

Riêng đối với yêu cầu bồi thường số tiền bị mất của bà Nguyễn Thị D: Bà D trình bày bà bị mất số tiền khoảng 22.000.000 đồng, nhưng bị cáo chỉ thừa nhận lấy trộm 17.000.000 đồng, bà không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên tại phiên tòa hôm nay, bà chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà số tiền bị mất là 17.000.000 đồng. Xét thấy, việc bà D yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền bị mất 17.000.000 đồng là tự nguyện và có căn cứ nên chấp nhận. Tại phiên tòa, bị cáo và bà Phan Thị Đ thống nhất dùng số tiền 10.000.000 đồng đã giao nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuy Hòa để bồi thường cho bà D nên HĐXX ghi nhận. Như vậy, tổng cộng bị cáo phải bồi thường cho bà D là 25.370.000 đồng, trừ 10.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường trước tại Biên lai thu số 0001967 ngày 06/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân

sự thành phố Tuy Hòa, nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bà D số tiền 15.370.000 đồng.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đặng D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/4/2018.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 586, 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Đặng D phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại bà Lê Như N số tiền là 1.350.000 đồng (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Đặng D phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại bà Nguyễn Thị D số tiền là 25.370.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*); nhưng được trừ 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) bị cáo đã bồi thường trước tại Biên lai thu tiền số 0001967 ngày 06/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa; nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bà Nguyễn Thị D số tiền là 15.370.000 đồng (*Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng)*.

Bị hại bà Nguyễn Thị D được nhận số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) bị cáo đã bồi thường trước tại Biên lai thu tiền số 0001967 ngày 06/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Đặng D phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 836.000 đồng (*Tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thành phố Tuy Hòa;
- Công an thành phố Tuy Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nghĩa **Trần Thị Ngọc Điểm** **Trần Lê Mai**